

Tên:

Lớp: S4...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....

Week: 11 – GVVN

Ngữ pháp HW:

Nghe HW:



UNIT 3: HOMES - MODAL VERBS, IMPERATIVES & BLOG WRITING

A. THEORY

I. GRAMMAR

Modal Verbs for Deduction

Dùng để đưa ra suy đoán.

Modal verb + be + adjective / noun

Modal verb + be + V3/ed

must be	might be	could be	can't be
Chắc hẳn là → gần như chắc chắn. Ex: She is yawning. She must be tired.	Có thể là → suy đoán nhưng không chắc điều đó đúng. Ex: It might be rainy later.	Có thể là → một khả năng hoặc một cách giải thích có thể đúng. Ex: The new student could be Tom.	Không thể là → có bằng chứng cho thấy suy đoán không đúng. Ex: This can't be my bag. My bag is blue, but this one is red.
Lưu ý: might be và could be thường thay thế được cho nhau.			

Imperatives

Dùng để đưa ra mệnh lệnh hoặc hướng dẫn.

V

ra mệnh lệnh / hướng dẫn

Ex: **Open** your book.



Don't + V

ra mệnh lệnh phủ định

Ex: Don't **run** in the classroom.



B. CLASSWORK

WRITING PRACTICE

Imagine you are a famous singer. Write a blog about what you are doing today (50–70 words).

Part 1 – Opening

Prompt Questions:

- What is your name?
- What is your job?
- How do you feel today?

Useful Structures:

- My name is ____.
- I am a famous singer.
- Today, I feel ____.

Part 2 – Main Body

Prompt Questions:

- What are you doing this morning?
- What are you doing this afternoon?
- What are you doing this evening?

Useful Structures:

- This morning, I am ____ing.
- In the afternoon, I am ____ing.
- This evening, I am ____ing.
- I am singing / dancing / practising / recording a song / meeting fans.

Part 3 – Ending

Prompt Questions:

- How do you feel at the end of the day?
- Do you like your day?

Useful Structures:

- I am tired but happy.
- I love being a singer!

Sample Blog (60 words)

Hi! My name is Anna, and I am a famous singer. Today, I feel very excited! This morning, I am practising a new song. In the afternoon, I am recording music with my friends. This evening, I am singing at a big concert. My fans are watching me and singing with me. I am tired, but I am very happy!



C. HOMEWORK

GRAMMAR (16 questions)

I. Choose the correct answer.

0. That's a very grand house. The rooms **must** / **can't** be very spacious.
1. That chair is tiny and hard. It **can't** / **could** be very comfortable.
2. I'm not sure, but I think this house **must** / **could** be made from recycled materials.
3. Look! The park is full of people. There **can't** / **must** be a lot of people in the park today.
4. The library **might** / **can't** be open. I'm not sure.
5. The hotel is next to a busy road. It **must** / **can't** be very relaxing.

II. Read the text and write the words in brackets into the correct form. Use Imperatives.

Rules at the Swimming Pool

Welcome to our pool! Please read the rules. "(0) Walk (**walk**) slowly near the water," says the sign. "(1) _____ (**not** / **run**) on the floor." The teacher says, "(2) _____ (**listen**) to me, please." Then she says, "(3) _____ (**jump**) from the side. It's dangerous!" Ben has a big bag. Mum says, "(4) _____ (**put**) your bag in the locker." Ana is eating a snack. The teacher says, "(5) _____ (**eat**) in the pool. It's dirty!" Finally, she says, "(6) _____ (**have**) fun, everyone!"

III. Rewrite the sentences with the word in brackets.

0. I am sure Dad is at work. (**must**)

→ Dad must be at work.

1. It is not possible that he is ten. (**can't**)

→ He _____.

2. Maybe the dress is Anna's. (**might**)

→ The dress _____.

3. You should not touch the cat. It will scratch you! (**Don't**)

→ _____ the cat.

4. It is possible that she is at home. (**could**)

→ She _____.

5. I need you to open the door, Tom. (Open)

→ _____, Tom.

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ nhé:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s4-w11-extra-vocab>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	magazine (n)	tạp chí		6	perhaps (adv)	có lẽ	
2	competition (n)	cuộc thi		7	be good at doing something (phrase)	giỏi làm việc gì	
3	journalist (n)	nhà báo		8	be going to (phrase)	sẽ / định	
4	famous (adj)	nổi tiếng		9	think of (phrase)	nghĩ ra / nghĩ về	
5	meeting (n)	cuộc họp		10	lots of ideas (phrase)	nhiều ý tưởng	

*Note: n = noun: danh từ; adv = adverb: trạng từ; adj = adjective: tính từ; phrase: cụm từ.

FLYERS LISTENING PRACTICE (10 questions)

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s4-flyers-listening-part>



I. Listen and write. There is one example.

The new school magazine

0. Class can draw some: pictures (Example)

1. Name of magazine: _____

2. In next week's magazine: the _____ competition

3. Students will talk to: a _____ person

4. Time of meeting: _____ p.m.

5. Children should bring: funny _____

II. Listen and choose Yes or No.

0. *Is the new magazine for the school? (Example)*

Yes

1. Is David good at drawing?

2. Did Class Seven choose the magazine's name?

3. Can students buy the first magazine next Tuesday?

4. Is David's brother good at basketball?

5. Will the student journalists talk to someone famous every week?
